

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2018
V/v: “Ly hôn” giữa Nguyễn Thị
S với Nguyễn Đức T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sở

2. Ông Nguyễn Văn Luông

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bé Hai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2018 về vụ “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S; cư trú tại số 33 L, phường B, thành phố T, tỉnh Long An, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T; cư trú tại số 33L, phường B, thành phố T, tỉnh Long An, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 31 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức T kết hôn với nhau vào năm 1992, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Bà và ông T sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho gia đình, có cư xử xúc phạm đến bà và mẹ ruột của bà. Vì thương hai con chung nên bà nhẫn nhịn mong hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Vào năm 2016, bà có gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án, nhưng bà đã rút đơn xin ly hôn nhằm tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng không có

kết quả do ông T không sửa đổi. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài cuộc sống chung với ông T, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức T. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn D và Nguyễn V, đều sinh năm 1994. Cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không đề cập. Bà xác định tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như bà S trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, ông và bà S cũng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, không quá trầm trọng. Ông thừa nhận ông có nhậu nhẹt, khi nhậu vào đôi khi không kiểm soát được bản thân nên có lớn tiếng với bà S, nhưng ông xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà S. Ông hứa sẽ bỏ nhậu, chăm lo làm ăn hơn để chăm sóc gia đình. Ông muốn hàn gắn với bà S nên không đồng ý ly hôn. Trong thời gian chung sống ông và bà S có 02 con chung như bà S trình bày. Hiện nay các con chung đã trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đều tuân theo qui định pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng theo qui định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có đủ căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đức T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định của khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Nguyễn Đức T có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Long an nên theo qui định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đức T chung sống với nhau vào năm 1992 có tiến hành đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28 tháng 8 năm 2002 theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở xác

định quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông T là hôn nhân hợp pháp được qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tình cảm: Sau khi chung sống giữa bà S và ông T có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng ý kiến với nhau do ông T thường xuyên uống rượu, có cư xử xúc phạm đến bà S, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng. Từ đó, tình cảm bà S ngày càng phai nhạt đối với ông T. Tại Tòa ông T có đưa ra biện pháp sửa đổi và mong muốn bà S hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà S xác định không còn tình cảm đối với ông T và cương quyết xin ly hôn. Tại tòa, bà S và ông T xác định vào năm 2016 bà S có xin ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó bà S đã rút đơn đơn khởi kiện, tạo cơ hội hàn gắn tình cảm của vợ chồng, nhưng không có kết quả do ông T không sửa đổi. Ngoài ra, bà S còn xác định từ đầu năm 2018 đến nay vợ chồng đã thật sự chấm dứt quan hệ tình cảm, mặc ai nấy sống. Do đó, cần xác định tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà S và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn D và Nguyễn V, cùng sinh năm 1994, hiện nay đã trưởng thành nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông T xác định không có chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[6] Về án phí: Bà S phải chịu án phí hôn nhân gia đình, theo quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

[7] Lời trình bày quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S. Cho Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 106/UB.KH, Quyền số 01, đăng ký ngày 28 tháng 8 năm 2002 do Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố T, tỉnh Long An ký cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn D và Nguyễn V, cùng sinh năm 1994, hiện nay đã trưởng thành nên không đề cập.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đức T xác định chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà S đã nộp theo biên lai thu số 0002333 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP T;
- CC.THADS TP T;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Phụng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh
- VKDND TP
- Các đương sự
- THA, AV, Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Phụng